

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16 – 9 – 2024

*Về việc Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.
2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 183/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2024, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Lý Thị Kim H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp A, xã Th, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

*** Bị đơn:** Anh Tăng Thi H1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: khóm C, Phường B, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2024 cũng như tại đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn Lý Thị Kim H trình bày:

Chị Lý Thị Kim H và anh Tăng Thi H1 tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Th , huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/5/2011. Trong thời gian sống chung vợ chồng có 01 con chung là Lý Thị Kim H2 (nữ) sinh ngày 20/3/2012. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần dần vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không hợp tính tình nên không còn sống chung từ đầu năm 2012 đến nay.

Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Lý Thị Kim H yêu cầu được ly hôn với anh Tăng Thi H1.
- Về con chung: Chị Lý Thị Kim H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lý Thị Kim H2 (nữ) sinh ngày 20/3/2012 cho đến khi cháu H2 thành niên, lao động được. Chị H không yêu cầu anh Tăng Thi H1 cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do chị H giao nộp là bản chính Giấy chứng nhận kết hôn của chị Lý Thị Kim H và anh Tăng Thi H1; bản sao căn cước công dân; bản sao Giấy khai sinh của cháu Lý Thị Kim H2.

Bị đơn anh Tăng Thi H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết, anh H1 trình bày: Anh Tăng Thi H1 và chị Lý Thị Kim H tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn đúng như chị H trình bày. Trong thời gian sống chung, vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lý Thị Kim H2 (nữ) sinh ngày 20/3/2012.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng do vợ nghe lời cha mẹ nên mới ly hôn với anh H1. Hiện nay chị H và cháu H2 sống với cha mẹ vợ bên huyện Kế Sách và anh H1 thì về sống với cha mẹ anh H1 ở Phường B, thị xã Vĩnh Châu.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Tăng Thi H1 không đồng ý ly hôn với chị Lý Thị Kim H vì còn thương vợ.

- Về con chung: Nếu trong trường hợp Tòa án buộc cho ly hôn, anh H1 đồng ý cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lý Thị Kim H2 (nữ) sinh ngày 20/3/2012 cho đến khi cháu H2 thành niên, lao động được. Anh H1 không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Tăng Thi H1 khẳng định tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lý Thị Kim H khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Tăng Thi H1 và yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Yêu cầu của chị Lý Thị Kim H được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Tăng Thi H1 đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại đơn xin vắng mặt, nguyên đơn có trình bày rõ các yêu cầu của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao căn cước công dân, Giấy khai sinh của cháu Lý Thị Kim H2 cũng như lời trình bày và thừa nhận của bị đơn H1; đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị H và anh H1 về việc kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Th , huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/5/2011 và vợ chồng đã có 01 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị H và anh H1 đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, hiện nay, chị H và anh H1 chung sống không hạnh phúc, mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình và nuôi dạy con chung. Như vậy, chị H và anh H1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân

và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh H1.

Đối với quyền nuôi con chung: Tại thời điểm xét xử vụ án cháu Lý Thị Kim H2 đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng muốn sống với mẹ và đang sống với mẹ đồng thời chị H và anh H1 cùng thống nhất trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh H1 đồng ý giao cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Lý Thị Kim H2 (nữ) sinh ngày 20/3/2012 cho đến khi cháu H2 thành niên, lao động được theo nguyện vọng của cháu H2. Do đó, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự tự thỏa thuận của chị H và anh H1 là giao cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Lý Thị Kim H2 (nữ) sinh ngày 20/3/2012 cho đến khi cháu H2 thành niên, lao động được theo nguyện vọng của cháu H2.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn cùng khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lý Thị Kim H phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lý Thị Kim H được ly hôn với anh Tăng Thi H1.

2. Về quyền nuôi con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của chị Lý Thị Kim H và anh Tăng Thi H1 là giao cho chị Lý Thị Kim H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lý Thị Kim H2 (nữ) sinh ngày 20/3/2012 cho đến khi cháu H2 thành niên, lao động được theo nguyện vọng của cháu H2.

Trong thời gian chị H nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Tăng Thi H1 cấp dưỡng nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu H2, chị H có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh H1 có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn cùng khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lý Thị Kim H phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005907 ngày 12/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Chị Lý Thị Kim H và anh Tăng Thi H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND xã Th,
- H. Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VÕ THỊ HIẾU